

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 11 - 03 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.

2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1958, cư trú: tổ 04, ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:

Ông Phan Hòa N, sinh năm 1987, cư trú: 20/10A, khóm ĐTA, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG(theo giấy ủy quyền số 826 ngày 01/12/2017 do Văn phòng công chứng Nhựt Quang chứng nhận) (có mặt).

2.Bị đơn:

Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1984, cư trú: số 826B/42, đường VVH, khóm BK1, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG, địa chỉ liên hệ: ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh AG(vắng mặt).

Bà Quách Huỳnh Kim T, sinh năm 1982, cư trú: số 826B/42, đường VVH, khóm BK1, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1984, cư trú: số 826B/42, đường VVH, khóm BK1, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG, địa chỉ liên hệ: ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 30 tháng 11 năm 2017 của ông Lê Văn Đ và tại phiên tòa ông Phan Hòa N trình bày:

Ngày 04 tháng 03 năm 2015, ông Lê Văn Đ cho vợ chồng ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T vay 200.000.000đ, thời hạn 12 tháng, lãi suất 2%/tháng trả tiền lãi vào ngày 05 tây. Trong thời gian vay, ông H và bà T có trả tiền vốn 75.000.000đ, còn nợ lại 125.000.000đ đến nay chưa trả nên ông Đ yêu cầu ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả 125.000.000đ, tính lãi suất từ ngày 04 tháng 03 năm 2015 đến ngày 04 tháng 11 năm 2017 là 128.000.000đ ($200.000.000đ \times 32 \text{ tháng} \times 2\%/\text{tháng} = 128.000.000đ$ - tạm tính), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử. Tổng cộng tiền vốn, lãi 253.000.000đ.

Ông Đ cho ông H và bà T vay 200.000.000đ là trách nhiệm liên đới của cả hai vợ chồng, giữa ông Đ, ông H và bà T không có thỏa thuận tách riêng ông H vay 120.000.000đ, bà T vay 80.000.000. Do đó, ông Đ không đồng ý việc bà T không chịu trách nhiệm đới trách nhiệm cùng ông H trả tiền.

Đối với tiền lãi 48.000.000đ theo ý kiến của bà T, trong đoạn ghi âm do bà T cung cấp nay ông Đ thừa nhận đúng là giọng nói của ông có nội dung là có nhận tiền lãi nhưng chưa đủ một năm là sự thật nhưng bà T không có yêu cầu đối với ông Đ, hơn nữa ông Đ cũng đã rút lại yêu cầu tính lãi 128.000.000đ, tính lãi phát sinh sau ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày xét xử.

Theo đơn giải trình của ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T trình bày có vay 200.000.000đ của ông Lê Văn Đ. Trong thời gian vay có trả nợ vốn 75.000.000đ nên còn lại 125.000.000đ. Đồng ý trả cho ông Đ 125.000.000đ. Đối với số tiền lãi 32 tháng, thành tiền 128.000.000đ và tính lãi phát sinh từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử, ông H không đồng ý. Riêng bà Quách Huỳnh Kim T cho rằng, bà chỉ vay 80.000.000đ/200.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 3 năm 2015 của ông Đ. Số tiền còn lại 120.000.000đ/200.000.000đ là do ông H tự ý vay cá nhân, không liên quan đến bà T. Bà T đã trả tiền vốn cho ông Đ số tiền nợ vốn 75.000.000đ và chỉ còn nợ lại 5.000.000đ. Tuy nhiên, theo hợp đồng vay tiền thể hiện ông H và bà T vay tiền 200.000.000đ của ông Đ, không tách riêng số tiền bà T vay 80.000.000đ, ông H vay 120.000.000đ.

Đối với số tiền lãi ông Đ cho rằng ông H và bà T chưa đóng tiền lãi là không đúng sự thật. Bà T đã trả tiền lãi hàng tháng $4.000.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 48.000.000đ$, việc giao nhận tiền lãi chỉ nói miệng, không làm giấy biên nhận. Nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả lãi nên có yêu cầu ông Đ không đóng tiền lãi, chỉ trả tiền vốn.

Tại phiên tòa, ông Phan Hòa N yêu cầu ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền vốn 125.000.000đ, rút yêu cầu buộc ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả tiền nợ lãi 128.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt nên pH chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ngày 04 tháng 3 năm 2015 ông Đ cho ông H và bà T vay số tiền 200.000.000đ, có trả nợ vốn 75.000.000đ nên còn nợ lại 125.000.000đ. Về trách nhiệm liên đới, mặc dù ông H và bà T không đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên, xét giữa ông H và bà T còn là vợ chồng, cùng đứng tên vay 200.000.000đ của ông Đ, ông bà không cung cấp chứng cứ chứng minh ông H vay 120.000.000đ, bà T vay 80.000.000đ và bà T đã trả 75.000.000đ/80.000.000đ nên không có căn cứ xem xét.

Đối với nguyên đơn xin rút lại số tiền lãi 128.000.000đ và tính lãi từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử. Đây là yêu cầu phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ yêu cầu ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T liên đới trách nhiệm trả số tiền nợ vốn 125.000.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi 128.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T nhưng ông bà vắng mặt, không có lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T.

Ông Lê Văn Đ ủy quyền cho ông Phan Hòa N theo giấy ủy quyền số 826 ngày 01 tháng 12 năm 2017 và bà Quách Huỳnh Kim T ủy quyền cho ông Bùi Thanh H theo giấy ủy quyền số 54 ngày 17 tháng 01 năm 2018 đều do Văn phòng công chứng Nhựt Quang chứng nhận. Việc ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 581 và Điều 582 Bộ Luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và hiện nay ông H và bà T hiện có nơi cư trú tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đ yêu cầu ông H, bà T liên đới trách nhiệm trả tiền nợ vốn theo giấy cho vay tiền ngày 04 tháng 03 năm 2015 và trả tiền lãi. Ông H, bà T xác định có vay tiền của ông Đ, có trả tiền nợ lãi, tiền vốn nhưng yêu cầu trả dần theo khả năng do hoàn cảnh khó khăn. Xét yêu cầu của ông Đ, sự thừa nhận có vay tiền của ông H và bà T là phù hợp thỏa thuận giữa các bên quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng dân sự - hợp đồng vay tài sản.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 04 tháng 03 năm 2015 ông Lê Văn Đ cho vợ chồng ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T vay số tiền 200.000.000đ, ông H, bà T ký tên, ghi rõ họ tên trong giấy cho vay tiền, lãi suất 2%/tháng, trả tiền lãi vào ngày 05 tây hàng tháng, thời hạn vay 12 tháng. Trong thời gian vay, ông H và bà T có trả tiền vốn 75.000.000đ, còn nợ lại 125.000.000đ đến nay chưa trả nên ông Đ yêu cầu ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả số tiền 125.000.000đ. Ông H, bà T thừa nhận có vay của ông Đ số tiền vốn 200.000.000đ, đã trả nợ vốn 75.000.000đ, số tiền vốn còn nợ lại 125.000.000đ đến nay chưa trả cho ông Đ.

[5] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án:

Xét các đương sự thống nhất số tiền nợ vốn còn lại 125.000.000đ chưa trả cho ông Đ là phù hợp, nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả số tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Bà T cho rằng chỉ vay 80.000.000đ/200.000.000đ, ông H vay 120.000.000đ/200.000.000đ, bà đã trả tiền vốn 75.000.000đ/80.000.000đ, chỉ còn nợ 5.000.000đ, ông H và bà T đã trả tổng tiền lãi 48.000.000đ cho ông Đ, bà T không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng ông H trả 125.000.000đ nhưng ông H, bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bà đã trả số tiền lãi 48.000.000đ, ông Đ không thừa nhận đủ tiền lãi. Hiện nay, giữa bà và ông H vẫn còn là vợ chồng hợp pháp, số tiền vay để sử dụng chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Đ buộc vợ chồng ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả nợ vốn là phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tiền lãi: Ông Đ yêu cầu ông H và bà T liên đới trách nhiệm trả số tiền 128.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút yêu cầu có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Riêng bà T cho rằng vợ chồng ông bà đã trả tiền lãi 48.000.000đ cho ông Đ, nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng trả lãi và có yêu cầu ông Đ không đóng tiền lãi, chỉ trả tiền vốn, sự việc được ông Đ đã đồng ý nhưng bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ đã đồng ý xóa tiền lãi cho ông bà và chứng minh ông Đ đồng ý cho bà ngừng trả tiền lãi không được ông Đ thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

Đối với việc bà T yêu cầu giám định giọng nói của ông Lê Văn Đ trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và ông Đ, nội dung ông Đ thừa nhận bà T có đóng tiền lãi nhưng chưa đủ một năm. Đối với yêu cầu của bà T, Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ, thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật về giám định giọng nói nhưng bà T không thực hiện và theo bản khai ngày 07 tháng 12 năm 2018 ông Đ cũng đã thừa nhận với bà T đúng là giọng nói của ông với nội dung có đóng tiền lãi nhưng chưa đủ một năm. Việc ông Đ thừa nhận đúng với yêu cầu của bà T nhưng bà T không yêu cầu đối với ông Đ nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 6.325.000đ (sáu triệu, ba trăm, hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0003800, ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T cùng phải chịu 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 244, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474, Điều 581, Điều 582 Bộ Luật dân sự năm 2005;

Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ đối với ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T.

Buộc ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T liên đới trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Đ số tiền 125.000.000đ (một trăm, hai mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 128.000.000đ (một trăm, hai mươi tám triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 05 tháng 11 năm 2017 đến ngày Tòa án xét xử của ông Lê Văn Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Đ được nhận lại số tiền 6.325.000đ (sáu triệu, ba trăm, hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0003800, ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T cùng phải chịu 6.250.000đ (sáu triệu, hai trăm, năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên thi hành án số tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Lê Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Bùi Thanh H và bà Quách Huỳnh Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

-Các đương sự;
-VKSND-TPLX;
Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương